TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07/2019/KDTM-ST
Ngày 13.6.2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận
Bà Lê Thị Nhớ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện* kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 13.6.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 35/2018/TLST - KDTM ngày 25.12.2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST - KDTM ngày 22.3.2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST - KDTM ngày 18.4.2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST - KDTM ngày 16.5.2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X. Địa chỉ: Số 442 đường K, phường 5, Quận 3, TP. H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Xà Thị Bích H, chức vụ: Nhân viên. Địa chỉ: Lầu 2, Tòa nhà X, số 218 đường B, quận C, thành phố Đ. Có mặt

(Theo Quyết định số 4908/TCQĐ-PC.12 ngày 13.9.2012 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP X và Giấy ủy quyền số 01/CV-DAN.19 ngày 01.02.2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP X - chi nhánh Đà Nẵng)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng C. Địa chỉ: Số 114 đường N, tổ 09 phường T, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Châu Ngọc V, sinh năm: 1984, chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Tổ 34 phường A, quận T, thành phố Đ. Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1971; địa chỉ: Số 01 đường H, tổ 20A phường A, quận C, TP Đ. Vắng mặt

- Ông Châu Ngọc A, sinh năm: 1960; Vắng mặt

- Bà Đinh Thị T, sinh năm: 1956; Vắng mặt

- Ông Châu Ngọc V, sinh năm: 1984; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 34 phường A, quận T, thành phố Đ.

- Bà Tăng Thị Giao K, sinh năm: 1984; địa chỉ: Số 107 đường M, phường P, quận C, TP Đ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21.11.2018, bản tự khai đề ngày 20.3.2019 và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Xà Thị Bích H trình bày:* Ngân hàng TMCP X và Công ty TNHH Xây dựng C có ký kết Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HOK.DN.246.250717 ngày 25.7.2017; Hợp đồng cấp tín dụng số HOK.DN.652.031017 ngày 03.10.2017; Phụ lục hợp đồng số HOK.DN.652.031017/PL.01 ngày 03.10.2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HOK.DN.652.031017/SĐBS.01 ngày 06.02.2018. Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngân hàng chúng tôi đã giải ngân cho Công ty TNHH Xây dựng C theo Khế ước nhận nợ số 02, số TK260688699 ngày 18.4.2018 với số tiền vay: 2.300.000.000 đồng (hai tỷ, ba trăm triệu đồng), mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thi công công trình, thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 19.4.2018 đến ngày 18.10.2018), lãi suất vay: 9%/năm, một năm được tính là 365 ngày, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: lãi suất vay (%/năm) =LS13 + 3,1 + X.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nói trên là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 35 tại địa chỉ: Lô E3-32, KDC số 3 T, phường K, quận C, thành phố Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CTs 138638 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19.9.2017 đứng tên ông Nguyễn Văn B, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số HOK.BĐDN.312.031017 ngày 03.10.2017, tài sản đã đăng ý giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Đồng thời, các bên cam kết gồm ông Nguyễn Văn B, ông Châu Ngọc V, bà Tăng Thị Giao K, ông Châu Ngọc A và bà Đinh Thị T đồng ý trả thay cho bên được cấp tín dụng (Công ty TNHH Xây dựng C) các khoản nợ của bên được cấp

tín dụng với X khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 03.10.2017 của ông Nguyễn Văn B, giấy cam kết về việc trả nợ ngày 03.10.2017 của ông Châu Ngọc V, bà Tăng Thị Giao K và chứng thư bảo lãnh ngày 18.01.2016 của ông Châu Ngọc A, bà Đinh Thị T.

Trong quá trình vay, Công ty TNHH Xây dựng C liên tục để nợ quá hạn nên ngày 19.9.2018, ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay còn lại chưa thanh toán.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền là: 2.646.974.658 đồng; trong đó: nợ gốc là 2.300.000.000 đồng; lãi trong hạn là 94.405.909 đồng; lãi quá hạn là 252.568.750 đồng (lãi tạm tính đến ngày 13.6.2019).

Do bên vay không trả nợ và để đảm bảo quyền lợi của ngân hàng, đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH Xây dựng C trả số tiền nói trên. Nếu Công ty TNHH Xây dựng C không trả toàn bộ số nợ nói trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 35 tại địa chỉ: Lô E3-32, KDC số 3 T, phường K, quận C, thành phố Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CTs 138638 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19.9.2017 đứng tên ông Nguyễn Văn B sẽ bị phát mãi để ngân hàng chúng tôi thu hồi nợ. Ông Nguyễn Văn B, ông Châu Ngọc V, bà Tăng Thị Giao K, ông Châu Ngọc A và bà Đinh Thị T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết.

** Về phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Mặc dù Toà án đã làm các thủ tục theo quy định của pháp luật để tiến hành lấy lời khai nhưng đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Xây dựng C - ông Châu Ngọc V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn B, ông Châu Ngọc A, bà Đinh Thị T, ông Châu Ngọc V, bà Tăng Thị Giao K vẫn không có ý kiến phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP X đối với bị đơn – Công ty TNHH Xây dựng C về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP X khởi kiện Công ty TNHH Xây dựng C có trụ sở tại số 114 đường N, tổ 09 phường T, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là 2.646.974.658 đồng; trong đó: nợ gốc là 2.300.000.000 đồng; nợ lãi là 346.974.658 đồng (lãi tạm tính đến ngày 13.6.2019). Căn cứ vào Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Mặc dù đã được Tòa án triệu tập (niêm yết) hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo pháp luật của bị đơn - ông Châu Ngọc V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn B, ông Châu Ngọc A, bà Đinh Thị T, ông Châu Ngọc V, bà Tăng Thị Giao K vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án:

[3] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng C phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 2.646.974.658 đồng (hai tỷ, sáu trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng); trong đó: nợ gốc là 2.300.000.000 đồng; lãi trong hạn là 94.405.909 đồng; lãi quá hạn là 252.568.750 đồng (lãi tạm tính đến ngày 13.6.2019).

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Căn cứ Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HOK.DN.246.250717 ngày 25.7.2017; Hợp đồng cấp tín dụng số HOK.DN.652.031017 ngày 03.10.2017; Phụ lục hợp đồng số HOK.DN.652.031017/PL.01 ngày 03.10.2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HOK.DN.652.031017/SĐBS.01 ngày 06.02.2018 và khế ước nhận nợ số 02, số TK260688699 ngày 18.4.2018 thì Ngân hàng TMCP X – chi nhánh Đà Nẵng có cho Công ty TNHH Xây dựng C vay tổng số tiền: 2.300.000.000đ (hai tỷ, ba trăm triệu đồng); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thi công công trình; thời hạn cho vay: 06 tháng (từ ngày 19.4.2018 đến ngày 18.10.2018); lãi suất vay: 9%/năm, một năm được tính là 365 ngày, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền

vay, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: lãi suất vay (%/năm) =LS13 + 3,1 + X. Trong quá trình vay, Công ty TNHH Xây dựng C chỉ trả được cho ngân hàng số tiền nợ lãi là 10.100.000 đồng. Sau đó, Công ty TNHH Xây dựng C liên tục để nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần gặp gỡ, làm việc và có văn bản đôn đốc việc trả nợ nhưng Công ty TNHH Xây dựng C vẫn không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, Công ty TNHH Xây dựng C đã vi phạm phương thức trả nợ gốc và nợ lãi mà các bên đã ký kết tại các hợp đồng tín dụng nói trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X, buộc Công ty TNHH Xây dựng C phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 2.646.974.658 đồng (hai tỷ, sáu trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng); trong đó: nợ gốc là 2.300.000.000 đồng; nợ lãi là 346.974.658 đồng (lãi tạm tính đến ngày 13.6.2019) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn thì thấy: Để đảm bảo cho khoản nợ vay nói trên của Công ty TNHH Xây dựng C thì ông Nguyễn Văn B đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 35 tại địa chỉ: Lô E3-32, KDC số 3 T, phường K, quận C, thành phố Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CTs 138638 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19.9.2017 để thế chấp cho ngân hàng. Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số HOK.BĐDN.312.031017 ngày 03.10.2017 giữa Ngân hàng TMCP X - chi nhánh Đà Nẵng và ông Nguyễn Văn B thể hiện trong trường hợp Công ty TNHH Xây dựng C không trả được nợ thì tài sản nói trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn B sẽ bị phát mãi để thu hồi nợ cho ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự.

[6] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp Công ty TNHH Xây dựng C không trả được nợ thì các bên cam kết gồm: ông Nguyễn Văn B, ông Châu Ngọc V, bà Tăng Thị Giao K, ông Châu Ngọc A và bà Đinh Thị T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 03.10.2017.

Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP X - chi nhánh Đà Nẵng với Công ty TNHH Xây dựng C ký kết ngày 03.10.2017. Cùng ngày, ông Nguyễn Văn B, ông Châu Ngọc V, bà Tăng Thị Giao K, ông Châu Ngọc A và bà Đinh Thị T có giấy cam kết về việc trả với nội dung: "bên cam kết đồng ý trả thay cho Bên được cấp tín dụng các khoản nợ của Bên được cấp tín dụng với X khi Bên được cấp tín không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ"…Tuy nhiên, tại Điều 4 của Hợp đồng cấp tín dụng lập ngày 03.10.2017 thể

hiện tài sản đảm bảo cho khoản nợ vay 3.500.000.000 đồng (ba tỷ, năm trăm triệu đồng) của Công ty TNHH Xây dựng C là bất động sản tại K410/22 đường P, phường A, quận T, thành phố Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Châu Ngọc A, bà Đinh Thị T và bất động sản tại Lô E3-32, KDC số 3 T, phường K, quận C, thành phố Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn B. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn trình bày do nhu cầu vay vốn của Công ty TNHH Xây dựng C chỉ còn 2.300.000.000 đồng (hai tỷ, ba trăm triệu đồng) nên ngân hàng đồng ý cho ông Châu Ngọc A, bà Đinh Thị T rút tài sản thế chấp của mình là bất động sản tại K410/22 đường P, phường A, quận T, thành phố Đ nên không còn làm phát sinh trách nhiệm trả nợ thay của ông Châu Ngọc A và bà Đinh Thị T. Còn đối với cam kết về việc trả nợ của ông Nguyễn Văn B và ông Châu Ngọc V, bà Tăng Thị Giao K khi Công ty TNHH Xây dựng C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, khoản nợ vay của Công ty TNHH Xây dựng C được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là nhà và đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 35 tại địa chỉ: Lô E3-32, KDC số 3 T, phường K, quận C, thành phố Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn B. Nếu tài sản thế chấp cho Ngân hàng của ông Nguyễn Văn B không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Văn B, ông Châu Ngọc V và bà Tăng Thị Giao K phải có nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ lập lập ngày 03.10.2017.

[7] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Xây dựng C phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 299, 322, 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP X đối với bị đơn - Công ty TNHH Xây dựng C về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH Xây dựng C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền: 2.646.974.658 đồng (hai tỷ, sáu trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng).

Trong đó: nợ gốc là 2.300.000.000 đồng; lãi trong hạn là 94.405.909 đồng;

lãi quá hạn là 252.568.750 đồng (lãi tạm tính đến ngày 13.6.2019).

2. Nếu Công ty TNHH Xây dựng C không trả được nợ thì tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP X - chi nhánh Đà Nẵng sẽ bị phát mãi để thu hồi nợ là Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 35 tại địa chỉ: Lô E3-32, KDC số 3 T, phường K, quận C, thành phố Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CTs 138638 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19.9.2017, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số HOK.BĐDN.312.031017 ngày 03.10.2017. Nếu tài sản thế chấp cho Ngân hàng của ông Nguyễn Văn B không đủ để trả thì ông Nguyễn Văn B, ông Châu Ngọc V và bà Tăng Thị Giao K phải có nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 03.10.2017.

Nếu Công ty TNHH Xây dựng C trả xong số nợ nói trên thì Ngân hàng TMCP X phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B các giấy tờ về tài sản thế chấp và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xoá đăng ký.

3. Về án phí:

3.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 84.939.493 đồng (tám mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng) Công ty TNHH Xây dựng C phải chịu.

3.2 Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí 40.162.807 đồng (bốn mươi triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm lẻ bảy đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004399 ngày 25.12.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Kể từ ngày 14.6.2019 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HOK.DN.246.250717 ngày 25.7.2017; Hợp đồng cấp tín dụng số HOK.DN.652.031017 ngày 03.10.2017; Phụ lục hợp đồng số HOK.DN.652.031017/PL.01 ngày 03.10.2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HOK.DN.652.031017/SĐBS.01 ngày 06.02.2018 và khế ước nhận nợ số 02, số TK260688699 ngày 18.4.2018.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Anh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ.